SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 77 /QĐ - BVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 19 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hướng dẫn quy trình khám/chữa bệnh chuyên khoa: Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Bỏng, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Nội soi chẩn đoán, can thiệp;Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-SYT ngày 16/01/2017 của Sở Y tế tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy định về phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, vị trí việc làm của công chức, viên chức và lao động hợp đồng trong các cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở Y tế Quảng Ninh;

Căn cứ Thông tư 43/TT- BYT ngày 11/2/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 50/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế về việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 18/01/2018 của Hội đồng chuyên môn Bệnh viện;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn quy trình các chuyên ngành Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Bỏng, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Nội soi chẩn đoán, can thiệp; Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh được áp dụng tại Bệnh viện và được đăng tải trên Website của Bệnh viện gồm 66 quy trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các thành viên Hội đồng chuyên môn, Tiểu ban chuyên môn và khoa phòng trong Bệnh viện căn cứ Quyết định thi hành./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc;
- Lưu: VT; KHTH

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Trịnh Văn Mạnh

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH MỤC
Quy trình kỹ thuật bổ sung năm 2018
trong khám/chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Quyết định ban hành số 77/QĐ-BVT ngày 19 /01/2018)

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
1	1.0023	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO	A	ĐB		Hồi sức tích cực
2	1.0027	Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt	A	ĐB		Hồi sức tích cực
3	1.0313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
4	1.0326	Thay huyết tương bằng gelatin hoặc dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
5	1.0327	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
6	1.0329	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
7	1.0330	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
8	1.0331	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
9	1.0332	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymicin b)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
10	1.0337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	A	1		Hồi sức tích cực
11	1.0338	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
12	1.0339	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
13	1.0340	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
14	1.0341	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ	A	ĐB		Hồi sức tích cực
15	1.0342	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
16	1.0343	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
17	1.0344	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
18	1.0346	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
19	1.0347	Thay huyết tương điều trị ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
20	1.0348	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
21	1.0349	Lọc máu hấp phụ bilirubin trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
22	1.0350	Gan nhân tạo trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
23	1.0359	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	A	1		Hồi sức tích cực
24	1.0386	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp	A	1		Hồi sức tích cực
25	2.0086	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio	A	ĐB		Nội khoa
26	2.0089	Điều trị suy tĩnh mạch bằng năng lượng sóng tần số radio	A	ĐB		Nội khoa
27	2.0118	Siêu âm trong lòng mạch vành (IVUS)	A	ĐB		Nội khoa
28	2.0434	Sinh thiết u trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	A	1		Nội khoa
29	2.0437	Chụp động mạch vành	A	1		Nội khoa
30	2.0439	Đo phân suất dự trữ lưu lượng vành (FFR)	A	1		Nội khoa

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
31	2.0443	Siêu âm tim qua thực quản cấp cứu tại giường	A	1		Nội khoa
32	2.0452	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 1 buồng	A	ĐB		Nội khoa
33	2.0453	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 2 buồng	A	ĐB		Nội khoa
34	2.0454	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 3 buồng	A	ĐB		Nội khoa
35	2.0455	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 1 buồng	A	ĐB		Nội khoa
36	2.0456	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 2 buồng	A	ĐB		Nội khoa
37	2.0460	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang	A	1		Nội khoa
38	2.0461	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường	A	1		Nội khoa
39	2.0463	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng cao tần	A	ĐB		Nội khoa
40	2.0465	Bít thông liên nhĩ bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
41	2.0466	Bít thông liên thất bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
42	2.0467	Bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
43	2.0496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)	A	1		Nội khoa

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
44	3.2267	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn	A	ĐB		Tim mạch
45	3.2270	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch	A	ĐB		Tim mạch
46	3.2290	Đặt máy tạo nhịp tạm thời trong tim	A	1		Tim mạch
47	3.3982	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	AB		1	Ngoại
48	3.3994	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn khí màng phổi	AB		1	Ngoại
49	3.3995	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu màng phổi	AB		1	Ngoại
50	3.4118	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang	A		ĐB	Ngoại
51	3.4176	Hỗ trợ hô hấp bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
52	3.4177	Hỗ trợ hô hấp- tuần hoàn bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
53	9.0025	Đặt các đường vào mạch máu cho ECMO	AB	ĐB		gây mê hồi sức
54	11.0141	Nội soi hô hấp điều trị bệnh nhân thở máy	A	ĐB		Bỏng
55	12.0366	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy	A	ĐB		Ung bướu
56	12.0443	Bơm hóa chất bàng quang điều trị ung thư bàng quang	A	1		Ung bướu

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
57	12.0448	Đặt buồng tiêm truyền dưới da				Ung bướu
58	14.0025	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên	A	ĐB		Mắt
59	14.0032	Mở bao sau đục bằng laser	A	1		Mắt
60	18.0193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	ABC			Điện quang
61	18.0194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	ABC			Điện quang
62	18.0681	Chụp và nút mạch điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt	A	ĐB		Điện quang
63	18.0684	Nút động mạch trong điều trị chảy máu do các khối u ác tính vùng tiểu khung (ung thư cổ tử cung, ung thư bàng quang không có chỉ định phẫu thuật, …)	A	ĐB		Điện quang
64	20.0022	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết	A	1		Nội soi chẩn đoán, can thiệp
65	20.0045	Nội soi đường mật tán sỏi qua da	A	ĐB		Nội soi chẩn đoán, can thiệp
66	20.0107	Nội soi bàng quang có can thiệp	A	1		Nội soi chẩn đoán, can thiệp

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp Tiểu ban chuyên môn hệ lâm sàng và cận lâm sàng Bệnh viện V/v đánh giá, thẩm định quy trình kỹ thuật chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Bỏng, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Nội soi chẩn đoán, can thiệp; Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch năm 2018

Thời gian: 14h00 ngày 18 tháng 01 năm 2018
Địa điểm: Phòng Giao ban Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

I. Thành phần:

1. BS Đặng Thị Thúy PGĐ; phụ trách các khoa hệ Nội, các khoa Huyết học truyền máu, hóa sinh, vi sinh, dinh dưỡng, Dược, Thăm dò chức năng, Chẩn đoán hình ảnh, Giải phẫu bệnh; Thành viên
2. BS Lý Thị Thái Mai PTP CĐT-HTQT, Thư ký
3. Bà Nguyễn Thị Thoa TK tim mạch, Thành viên
4. Ông Vũ Anh Tuấn TK CĐHA, Thành viên
5. Ông Ngô Quang Chức PK CĐHA, Thành viên
6. Ông Trần Ngọc San TK GMHS, Thành viên
7. Ông Phạm Việt Hùng Khoa Ngoại, Thành viên
8. Ông Hà Mạnh Hùng TK HSTC- TNT, Thành viên
9. Bà Nguyễn Thị Lan PK Nhi, Thành viên
10. Ông Lương Toàn Thắng TK CTCH, Thành viên
11. Ông Vũ Xuân Kiên Khoa Ung bướu, Thành viên
12. Ông Ngô Trung Thanh Khoa Mắt, Thành viên

II. Nội dung: Tiểu ban chuyên môn hệ lâm sàng và cận lâm sàng bệnh viện tổ chức họp đánh giá, thẩm định quy trình kỹ thuật bổ sung năm 2018 của chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Bỏng, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Nội soi chẩn đoán, can thiệp; Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch.

1.Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 đã được Quốc hội khóa12, kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 23/11/2009;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư số 50/2014/TT-BYT ngày 26/12/2014 của Bộ Y tế Quy định việc phân loại phẫu thuật, thủ thuật và định mức nhân lực trong từng ca phẫu thuật, thủ thuật.

Thông tư số 07/2015/TT-BYT ngày 03/4/2015 của Bộ Y tế quy định chi tiết điều kiện, thủ tục cho phép áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới trong khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Quyết định số 7435/QĐ-BYT ngày 14/12/2018 ban hành bổ sung Danh mục các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh được xếp tương đương về kỹ thuật và chi phí thực hiện theo Thông tư 39/2018/TT-BYT.

Quyết định số 3906/QĐ-BYT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Nhãn khoa. Quyết định số 782/QĐ-KCB ngày 4/3/2016 ban hành tài liệu Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật kỹ thuật chuyên ngành quy trình gây mê hồi sức. Quyết định số 635/QĐ-BYT ngày 28/03/2013 của Bộ Y tế ban hành Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Bỏng. Quyết định số 25/QĐ-BYT ngày 03/01/2013 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Chẩn đoán hình ảnh và điện quang can thiệp. Quy trình kỹ thuật chuyên ngành Hồi sức-Cấp cứu và Chống độc ban hành kèm theo Quyết định số 1904/QĐ-BYT ngày 30/5/2014 của Bộ Y tế. Quyết định số 201/QĐ-BYT ngày 16/01/2014 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành Ngoại khoa- chuyên khoa Phẫu thuật tiêu hóa và Phẫu thuật nội soi. Quyết định số 3983/QĐ-BYT ngày 03/10/2014 của Bộ Y tế Hướng dẫn quy trình kỹ thuật Nội khoa, chuyên ngành Tim mạch. Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 09/09/2013 của Bộ Y tế ban hành Hướng dẫn Quy trình kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành Ung bướu.

2. Tiến hành thẩm định, phê duyệt:

Nhằm nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thực hiện tốt năng lực chuyên môn, quy trình kỹ thuật và là cơ sở khoa học cho hoạt động chuyên môn của Bệnh viện.

Tiểu ban chuyên môn hệ lâm sàng và hệ cận lâm sàng đã tiến hành đánh giá, thẩm định 66 quy trình kỹ thuật bổ sung năm 2018 do khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nhi khoa, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch đề xuất áp dụng trong Bệnh viện.

- Ý kiến đ/c Hùng (TK HSTC): Quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế cơ bản phù hợp với điều kiện nhân lực, trang thiết bị, cơ sở vật chất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. Vì vậy, các quy trình kỹ thuật xây dựng để áp dụng tại Bệnh viện không sửa đổi nhiều so với quy trình chuẩn của Bộ Y tế.

- Các thành viên tham gia Hội đồng: thống nhất với ý kiến chuyên môn.

- Ý kiến đ/c Mai (PTP CĐT-HTQT): Các quy trình kỹ thuật phải đảm bảo trình bày thể thức theo quy định.

- Ý kiến kết luận của chủ tịch Hội đồng:

+ Quy trình kỹ thuật đảm bảo theo nguyên tắc chuyên môn, đảm bảo trình bày theo yêu cầu về thể thức văn bản.

+ Quy trình kỹ thuật được xây dựng và đưa vào áp dụng thực hiện cho toàn Bệnh viện.

+ Phòng Công nghệ thông tin đăng tải quy trình kỹ thuật được phê duyệt áp dụng trên Website của Bệnh viện.

3. Kết luận:

3.1 Quy trình kỹ thuật được phê duyệt:

Tổng số: 66 quy trình kỹ thuật của chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc, Nội khoa, Nhi khoa, Bỏng, Ung bướu, Mắt, Điện quang (chẩn đoán hình ảnh), Nội soi chẩn đoán, can thiệp; Ngoại khoa, Gây mê hồi sức, Tim mạch.

(Có Phụ lục quy trình kỹ thuật chi tiết kèm theo)

3.2 Quy cách trình bày:

(Theo quy định tại Phụ lục 01 Thông tư số 07/2015/TT- BYT ngày 03 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

- Khổ giấy A4: Kiểu chữ Time New Roman; cỡ chữ 14; cách dòng 1,5 lines; căn lề trái 3cm; căn lề phải, trên, dưới: 2cm;
- Cách thức trình bày: Mỗi quy trình kỹ thuật/bản
- Kết cấu quy trình kỹ thuật:

+ Phần I. Nguyên lý

+ Phần II. Chuẩn bị

+ Phần III. Các bước tiến hành kỹ thuật

+ Phần IV. Những sai sót, xử trí

Sau kết luận, Tiểu ban chuyên môn hệ lâm sàng và hệ cận lâm sàng trình Hội đồng khoa học Bệnh viện xem xét và phê duyệt.

Toàn bộ nội dung biên bản đã được thông qua các thành viên tham dự và biểu quyết nhất trí 100%.

Cuộc họp kết thúc vào hồi 16h30 cùng ngày./.

Chủ tịch Hội đồng	**Thư ký**
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH	
Đặng Thị Thúy	**Lý Thị Thái Mai**

CÁC THÀNH VIÊN

(Kèm theo Biên bản họp hội đồng thẩm định ngày 18/01/2018)

Họ và tên	Chức danh	Chữ ký
Bà Nguyễn Thị Thoa	TK tim mạch	
Ông Vũ Anh Tuấn	TK Chẩn đoán hình ảnh	
Ông Ngô Quang Chức	PK Chẩn đoán hình ảnh	
Ông Trần Ngọc San	TK GMHS	
Ông Hà Mạnh Hùng	TK HSTC,CĐ-TNT	
Bà Nguyễn Thị Lan	PK Nhi	
Ông Lương Toàn Thắng	TK Chấn thương chỉnh hình	
Ông Vũ Xuân Kiên	Khoa UB	
Ông Ngô Trung Thanh	Khoa Mắt	
Ông Phạm Việt Hùng	Khoa Ngoại	

SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

DANH MỤC
Quy trình kỹ thuật bổ sung năm 2018
trong khám/chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 18 /01/2018)

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
1	1.0023	Thăm dò huyết động theo phương pháp PICCO	A	ĐB		Hồi sức tích cực
2	1.0027	Thăm dò huyết động tại giường bằng phương pháp pha loãng nhiệt	A	ĐB		Hồi sức tích cực
3	1.0313	Lọc máu liên tục CVVH trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
4	1.0326	Thay huyết tương bằng gelatin hoặc dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
5	1.0327	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
6	1.0329	Thay huyết tương trong điều trị đợt cấp lupus ban đỏ hệ thống với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
7	1.0330	Lọc máu liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
8	1.0331	Lọc máu thẩm tách liên tục trong hội chứng tiêu cơ vân cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
9	1.0332	Lọc máu hấp phụ cytokine với quả lọc pmx (polymicin b)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
10	1.0337	Lọc máu cấp cứu ở bệnh nhân có mở thông động tĩnh mạch (FAV)	A	1		Hồi sức tích cực
11	1.0338	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
12	1.0339	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
13	1.0340	Thay huyết tương trong điều trị hội chứng Guillain –barré với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
14	1.0341	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ	A	ĐB		Hồi sức tích cực
15	1.0342	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5%	A	ĐB		Hồi sức tích cực
16	1.0343	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế albumin 5% kết hợp với dung dịch cao phân tử	A	ĐB		Hồi sức tích cực
17	1.0344	Thay huyết tương trong điều trị cơn nhược cơ với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
18	1.0346	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
19	1.0347	Thay huyết tương điều trị ban xuất huyết giảm tiểu cầu huyết khối (TTP) với dịch thay thế huyết tương tươi đông lạnh	A	ĐB		Hồi sức tích cực
20	1.0348	Thay huyết tương tươi bằng huyết tương tươi đông lạnh trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
21	1.0349	Lọc máu hấp phụ bilirubin trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
22	1.0350	Gan nhân tạo trong điều trị suy gan cấp	A	ĐB		Hồi sức tích cực
23	1.0359	Thay huyết tương trong điều trị viêm tụy cấp do tăng triglyceride	A	1		Hồi sức tích cực
24	1.0386	Khai thông động mạch phổi bằng sử dụng thuốc tiêu sợi huyết trong điều trị tắc mạch phổi cấp	A	1		Hồi sức tích cực
25	2.0086	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng tần số radio	A	ĐB		Nội khoa
26	2.0089	Điều trị suy tĩnh mạch bằng năng lượng sóng tần số radio	A	ĐB		Nội khoa
27	2.0118	Siêu âm trong lòng mạch vành (IVUS)	A	ĐB		Nội khoa
28	2.0434	Sinh thiết u trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	A	1		Nội khoa
29	2.0437	Chụp động mạch vành	A	1		Nội khoa
30	2.0439	Đo phân suất dự trữ lưu lượng vành (FFR)	A	1		Nội khoa

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
31	2.0443	Siêu âm tim qua thực quản cấp cứu tại giường	A	1		Nội khoa
32	2.0452	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 1 buồng	A	ĐB		Nội khoa
33	2.0453	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 2 buồng	A	ĐB		Nội khoa
34	2.0454	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn loại 3 buồng	A	ĐB		Nội khoa
35	2.0455	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 1 buồng	A	ĐB		Nội khoa
36	2.0456	Cấy máy phá rung tự động (ICD) loại 2 buồng	A	ĐB		Nội khoa
37	2.0460	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực trong buồng tim dưới màn huỳnh quang	A	1		Nội khoa
38	2.0461	Điều trị rối loạn nhịp tim bằng sóng cao tần thông thường	A	1		Nội khoa
39	2.0463	Điều trị rối loạn nhịp tim phức tạp bằng sóng cao tần	A	ĐB		Nội khoa
40	2.0465	Bít thông liên nhĩ bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
41	2.0466	Bít thông liên thất bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
42	2.0467	Bít ống động mạch bằng dụng cụ qua da	A	ĐB		Nội khoa
43	2.0496	Thận nhân tạo cấp cứu (Quả lọc, dây máu 01 lần)	A	1		Nội khoa

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
44	3.2267	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn	A	ĐB		Tim mạch
45	3.2270	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch	A	ĐB		Tim mạch
46	3.2290	Đặt máy tạo nhịp tạm thời trong tim	A	1		Tim mạch
47	3.3982	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cặn màng phổi	AB		1	Ngoại
48	3.3994	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn khí màng phổi	AB		1	Ngoại
49	3.3995	Phẫu thuật nội soi lồng ngực xử trí tràn máu màng phổi	AB		1	Ngoại
50	3.4118	Phẫu thuật nội soi cấp cứu vỡ bàng quang	A		ĐB	Ngoại
51	3.4176	Hỗ trợ hô hấp bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
52	3.4177	Hỗ trợ hô hấp- tuần hoàn bằng màng trao đổi oxy ngoài cơ thể (ECMO)	A	ĐB		Hồi sức tích cực
53	9.0025	Đặt các đường vào mạch máu cho ECMO	AB	ĐB		gây mê hồi sức
54	11.0141	Nội soi hô hấp điều trị bệnh nhân thở máy	A	ĐB		Bỏng
55	12.0366	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy	A	ĐB		Ung bướu
56	12.0443	Bơm hóa chất bàng quang điều trị ung thư bàng quang	A	1		Ung bướu

STT	Mã thông tư 43/50	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT	Phân loại phẫu thuật thủ thuật		Chuyên ngành
				Thủ thuật	Phẫu thuật	
57	12.0448	Đặt buồng tiêm truyền dưới da				Ung bướu
58	14.0025	Điều trị glôcôm bằng laser mống mắt chu biên	A	ĐB		Mắt
59	14.0032	Mở bao sau đục bằng laser	A	1		Mắt
60	18.0193	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao	ABC			Điện quang
61	18.0194	Chụp cắt lớp vi tính phổi liều thấp tầm soát u	ABC			Điện quang
62	18.0681	Chụp và nút mạch điều trị phì đại lành tính tuyến tiền liệt	A	ĐB		Điện quang
63	18.0684	Nút động mạch trong điều trị chảy máu do các khối u ác tính vùng tiểu khung (ung thư cổ tử cung, ung thư bàng quang không có chỉ định phẫu thuật, …)	A	ĐB		Điện quang
64	20.0022	Nội soi khí - phế quản ống mềm sinh thiết	A	1		Nội soi chẩn đoán, can thiệp
65	20.0045	Nội soi đường mật tán sỏi qua da	A	ĐB		Nội soi chẩn đoán, can thiệp
66	20.0107	Nội soi bàng quang có can thiệp	A	1		Nội soi chẩn đoán, can thiệp